TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2021/DS-ST
Ngày: 19-5-2021
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh văn Năm

Ông Duyên Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô. Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị N, sinh năm: 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1961 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm 9, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 4 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thanh T có tham gia hụi do bà Trương Thị N làm chủ, cụ thể:

Dây thứ nhất: Hụi mở ngày 10/3/2018, loại hụi 6.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, tất cả có 28 phần, bà T tham gia 01 phần, bà T đã hốt lần thứ 9, ngày 10/11/2018, bỏ 1.950.000 đồng, hốt được số tiền 121.850.000 đồng, sau khi hốt bà T phải đóng hụi chết lại 19 lần, bà T đóng hụi chết được 14 lần còn nợ lại 5 lần là 30.000.000 đồng.

Dây thứ 2: Hụi mở ngày 16/6/2019, loại hụi 3.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, tất cả có 30 phần, bà T tham gia 02 phần, bà T đã hốt 01 phần vào lần thứ 3, ngày 16/9/2019, bỏ 1.250.000 đồng, hốt được số tiền 52.900.000 đồng, sau khi hốt thì bà T phải đóng lại 26 lần hụi chết, bà T đóng được 03 lần hụi chết thì bà tuyên bố ngừng hụi, đối với phần hụi chưa hốt bà T đóng được 07 lần là

12.070.000 đồng (hụi chết là 21.000.000 đồng), phần hụi đã hốt bà T nợ lại 23 lần là 69.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi chết bà T còn nợ lại là 99.000.000 đồng, đối với phần hụi bà T chưa hốt, bà đồng ý đối trừ 7 lần tính theo giá hụi chết là 21.000.000 đồng nhưng bà T phải chịu tiền hoa hồng là 1.600.000 đồng. Như vậy tổng số tiền bà T còn nợ bà là 79.600.000 đồng.

Do nhầm lẫn nên đơn khởi kiện bà yêu cầu bà T thanh toán cho bà số tiền hụi còn thiếu là 85.600.000 đồng. Nay bà xác định lại bà T thiếu bà 79.600.000 đồng, yêu cầu bà T trả cho bà số tiền 79.600.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 29/4/2021, bị đơn là bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Về thời gian mở hụi, loại hụi, kỳ hốt hụi và số tiền hốt được như bà N trình bày là đúng. Đối với việc đóng lại hụi chết bà xác định như sau: Đối với dây hụi ngày 10/3/2018 bà đóng hụi chết, còn nợ lại 03 lần là 18.000.000 đồng, sau đó có trả 02 lần thêm 4.000.000 đồng, còn nợ lại bà N 14.000.000 đồng. Các lần đóng hụi chủ hụi không có ký nhận cũng không ai chứng kiến việc giao tiền. Đối với phần hụi ngày 16/6/2019 tới khi ngừng hụi là lần thứ 7, bà N nói bà T có 01 phần hụi sống và 01 phần hụi chết coi như đối trừ nên bà không đóng hụi tiếp đối với dây hụi này. Nay xác định còn nợ lại bà N 14.000.000 đồng, nên đồng ý trả cho bà N 14.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thanh T trình bày: Đối với dây hụi ngày 10/3/2018, do bà tính cấn trừ với dây hụi khác của chồng bà tham gia nên tại biên bản hòa ngày ngày 29/4/2021 bà xác định còn nợ 03 lần nhưng nếu bà N không thống nhất thì riêng đối với dây hụi này bà còn nợ lại 05 lần hụi chết là 30.000.000 đồng, nhưng sau đó có trả cho bà N 4.000.000 đồng nên còn nợ lại bà N 26.000.000 đồng. Đối với dây hụi ngày 16/6/2019, bà thống nhất với trình bày của bà N đồng ý thanh toán cho bà N 26 lần hụi chết là 69.000.000 đồng, thống nhất đối trừ với phần hụi chưa hốt bà đóng được 07 lần là 21.000.000 đồng và chịu tiền hoa hồng 1.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Trương Thị N và bà Nguyễn Thanh T là tranh chấp hụi, bị đơn là bà Nguyễn Thanh T có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời nên bà Trương Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội tranh chấp: Bà Trương Thị N và bà Nguyễn Thanh T thống nhất với nhau về thời gian mở hụi, loại hụi, số thành viên tham gia hụi, kỳ hốt hụi. Tuy nhiên, bà Trương Thị N và bà Nguyễn Thanh T không thống nhất với nhau về số tiền hụi phải thanh toán lại sau khi hốt.

Đối với dây hụi mở ngày 10/3/2018, loại hụi 6.000.000 đồng, bà N và bà T thống nhất sau khi hốt bà T còn phải đóng hụi chết lại 19 lần, bà N cho rằng bà T

chỉ đóng hụi chết được 14 lần còn nợ lại 5 lần là 30.000.000 đồng. Bà T cho rằng sau khi hốt hụi còn nợ lại 05 lần là 30.000.000 đồng, nhưng sau đó có trả 02 lần thêm 4.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà T không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc đã thanh toán cho bà N nên không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của bà T. Do đó cần buộc bà T có trách nhiệm thanh toán cho bà N số tiền hụi còn thiếu 30.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với dây hụi mở ngày 16/6/2019, loại hụi 3.000.000 đồng, các bên thống nhất bà T tham gia 02 phần hụi, bà T đã hốt 01 phần vào lần thứ 3, bà T còn nợ lại 23 lần hụi chết là 69.000.000 đồng, đối với phần hụi chưa hốt bà T đóng được 07 lần là 21.000.000 đồng và bà T thanh toán lại cho bà N tiền hoa hồng là 1.600.000 đồng. Như vậy, đối với dây hụi này bà T còn nợ lại bà N số tiền 49.600.000 đồng. Việc các bên đối trừ đối với phần hụi còn sống vào nghĩa vụ thanh toán hụi chết của bà T là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên được công nhận.

Như vậy tổng số tiền bà T phải có trách nhiệm thanh toán cho bà N là 79.600.000 đồng.

[3] Bà Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ thực hiện việc thanh toán nợ cho bà Trương Thị N nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà Trương Thị N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N. Buộc bà Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Thị N số tiền 79.600.000đ (Bảy mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Trương Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thanh T không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.980.000 đồng. Bà Trương Thị N không phải chịu án phí, bà Trương Thị N có nộp tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 2.140.000 đồng (Hai triệu một trăm bốn mươi

nghìn đồng) tại biên lai số 0004033 ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được trả lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CC.THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Bùi Thị Huệ